TÒA ÁN NHÂN DÂN **THỊ XÃ VĨNH CHÂU** **TỈNH SÓC TRĂNG** ----------	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** Độc lập - Tự do - Hạnh phúc ----------

Bản án số: 59/2019/HNGĐ-ST
Ngày: 18- 11- 2019
"V/v Ly hôn, tranh chấp về nuôi con và cấp dưỡng"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THỊ XÃ VĨNH CHÂU

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Võ Thị Hiếu

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Thái Trung Nghĩa;

2. Bà Phạm Thị Hương.

- ***Thư ký phiên tòa***: Ông Nguyễn Đình Hưng, Thư ký Tòa án nhân dân thị xã Vĩnh Châu.

- ***Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân thị xã Vĩnh Châu tham gia phiên Tòa***: Ông Lý Đêm – Kiểm sát viên.

Trong ngày 18 tháng 11 năm 2019 tại trụ sở Tòa án nhân dân thị xã Vĩnh Châu xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 161/2019/TLST-HNGĐ, ngày 28 tháng 6 năm 2019 về việc*"Ly hôn, tranh chấp về nuôi con và cấp dưỡng"* theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 55/2019/QĐXXST-HNGĐ ngày 11 tháng 10 năm 2019 và Quyết định hoãn phiên tòa số: 42/2019/QĐST-HNGĐ ngày 30 tháng 10 năm 2019, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Chị Thạch Thị Th, sinh năm 1989.

Địa chỉ: Số nhà 97 ấp L, xã L, thị xã Vĩnh Châu, tỉnh Sóc Trăng.

2. Bị đơn: Anh Huỳnh Kh, sinh năm 1982.

Địa chỉ: Số nhà 62 khóm S, phường V, thị xã Vĩnh Châu, tỉnh Sóc Trăng.

(Nguyên đơn có mặt, bị đơn vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 19/6/2019 cũng như tại phiên tòa sơ thẩm, nguyên đơn Thạch Thị Th trình bày:

Vào năm 2012, chị Th kết hôn với anh Huỳnh Kh và được Ủy ban nhân dân phường V cấp Giấy chứng nhận kết hôn ngày 19/02/2013. Sau khi kết hôn, vợ chồng chung sống với cha mẹ chồng được một thời gian thì về sống với cha mẹ ruột của chị Th ở số nhà 97 ấp L, xã L, thị xã Vĩnh Châu, tỉnh Sóc Trăng. Cuộc sống chung hạnh phúc được thời gian đầu, vợ chồng có 02 con chung là Huỳnh Gia K (nam) sinh ngày 17/12/2013 và Huỳnh Thư K (nữ) sinh ngày 09/4/2015. Sau khi mang thai cháu K được 6 tháng thì vợ chồng phát sinh mâu thuẫn nên anh Kh đã bỏ mẹ con chị Th và về sống với cha mẹ ruột của anh Kh ở phường V và từ đó đến nay, anh Kh không còn quan tâm, thăm hỏi gì đến chị Th và hai con chung. Nay, chị Th yêu cầu Tòa án giải quyết ly hôn với anh Huỳnh Kh.

Về con chung: Do hai con chung là Huỳnh Gia K (nam) sinh ngày 17/12/2013 và Huỳnh Thư K (nữ) sinh ngày 09/4/2015 còn nhỏ và quen sống với chị Th nên chị Th yêu cầu được tiếp tục nuôi dưỡng con chung đến đủ 18 tuổi.

Về cấp dưỡng nuôi con: Chị Th yêu cầu anh Kh cấp dưỡng nuôi con mỗi tháng là 1.000.000đ (một triệu đồng) cho mỗi người con, cấp dưỡng cho đến khi con đủ 18 tuổi.

Về tài sản chung và nợ chung: Chị Th khẳng định tài sản chung và nợ chung không có nên không yêu cầu Tòa án xem xét, giải quyết.

Chứng cứ do chị Th giao nộp là Giấy chứng nhận kết hôn; bản sao Giấy chứng minh nhân dân, bản sao Sổ hộ khẩu, bản sao Giấy khai sinh của hai cháu Huỳnh Gia K và Huỳnh Thư K.

Đối với bị đơn Huỳnh Kh: Dù được tống đạt hợp lệ Thông báo về việc thụ lý vụ án, tại Thông báo thể hiện đầy đủ những tình tiết, sự kiện, tài liệu, yêu cầu khởi kiện của chị Th nhưng anh Kh không phản đối, không có văn bản trình bày ý kiến và nguyện vọng của mình. Đồng thời, anh Kh cũng vắng mặt không có lý do trong các phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải ngày 12/8/2019, ngày 07/10/2019. Tòa án đã thông báo kết quả phiên họp trên cho anh Kh và đưa vụ án ra xét xử. Phiên tòa ngày 30/10/2019, bị đơn Kh vẫn vắng mặt và không giao nộp tài liệu, chứng cứ gì nên Hội đồng xét xử quyết định hoãn phiên tòa, tiếp tục đưa vụ án ra xét xử theo luật định.

Tài liệu, chứng cứ Tòa án thu thập được là Biên bản xác minh về việc nhận các văn bản tố tụng của Tòa án. Tài liệu, chứng cứ trên có thông báo cho đương sự biết nhưng không ai có ý kiến gì.

Kiểm sát viên tham gia phiên tòa nêu quan điểm: Qua thực hiện chức năng kiểm sát việc tuân theo pháp luật trong tố tụng dân sự, kể từ khi thụ lý đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án, Thẩm phán, Thư ký phiên tòa cũng như Hội đồng xét xử đã thực hiện đầy đủ các thủ tục tố tụng theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự, chứng cứ được thu thập đầy đủ đảm bảo quyền lợi hợp pháp cho các đương sự. Nguyên đơn đã thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ theo quy định pháp luật. Tuy nhiên, đối với bị đơn anh Huỳnh Kh, trong suốt quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa mặc dù Tòa án đã triệu tập hợp lệ đến lần thứ hai nhưng anh Kh vẫn vắng mặt nên đề nghị Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt đối với anh Kh theo quy định của pháp luật. Về nội dung giải quyết vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử cho chị Th được ly hôn với anh Huỳnh Kh, giao cho chị Th được tiếp tục nuôi dưỡng con chung, anh Kh phải cấp dưỡng cho con mỗi tháng là 1.000.000đ (một triệu đồng) cho mỗi người con, cấp dưỡng cho đến khi hai con đủ 18 tuổi; không xem xét, giải quyết về tài sản và nợ chung do không có yêu cầu; chị Th và anh Kh phải chịu án phí theo quy định pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về tố tụng: Chị Th khởi kiện, yêu cầu ly hôn với anh Kh và yêu cầu tiếp tục nuôi con chung, cấp dưỡng cho con. Yêu cầu của chị Th được pháp luật điều chỉnh tại các Điều 51, Điều 56 và Điều 58 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014 (sau đây gọi là Luật hôn nhân và gia đình) thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thị xã Vĩnh Châu theo quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Bị đơn Huỳnh Kh đã được triệu tập hợp lệ hai lần tham gia phiên tòa, đều vắng mặt không có lý do nên phải chịu hậu quả pháp lý về việc vắng mặt của mình. Tại phiên tòa sơ thẩm, nguyên đơn yêu cầu Tòa án giải quyết vụ án theo quy định của pháp luật và Hội đồng xét xử căn cứ vào điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự để xét xử vụ án vắng mặt bị đơn.

[2] Về nội dung giải quyết:

Căn cứ Giấy chứng nhận kết hôn; bản sao Giấy chứng minh nhân dân, Sổ hộ khẩu, Giấy khai sinh của hai cháu Huỳnh Gia K và Huỳnh Thư K cũng như việc không phản đối của anh Kh; đối chiếu với quy định tại điểm c khoản 1 Điều 92 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Hội đồng xét xử khẳng định lời trình bày của chị Th về việc kết hôn với anh Kh được Ủy ban nhân dân phường V cấp Giấy chứng nhận kết hôn ngày 19/02/2013 và vợ chồng đã có 02 con chung là sự thật. Vì vậy, giữa chị Th và anh Kh đang tồn tại quan hệ hôn nhân hợp pháp, quy định tại khoản 1 Điều 9 Luật hôn nhân và gia đình.

Tuy nhiên, từ năm 2015 đến nay, chị Th và anh Kh không còn chung sống với nhau nữa; mạnh ai nấy sống, người nào chỉ biết bổn phận của người đó, không cùng nhau thực hiện các công việc gia đình; không quan tâm, chăm sóc, giúp đỡ nhau, không biết được thông tin về tình trạng cuộc sống của nhau; không cùng nhau nuôi dưỡng, chăm sóc và giáo dục hai cháu K và K. Như vậy, chị Th và anh Kh đã vi phạm nghiêm trọng quyền, nghĩa vụ của vợ, chồng quy định tại Điều 19 của Luật hôn nhân và gia đình; vợ chồng không còn yêu thương, tôn trọng lẫn nhau làm cho hôn nhân lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Do đó, cần áp dụng các Điều 51, 56 của Luật hôn nhân và gia đình, giải quyết cho chị Th được ly hôn với anh Kh.

Đối với quyền nuôi con chung: Tại thời điểm xét xử vụ án hai cháu K và K còn nhỏ, dưới 7 tuổi và hiện đang sống cùng với chị Th như vậy chị Th đã thực hiện đúng nghĩa vụ và quyền của cha mẹ quy định tại Điều 69 của Luật hôn nhân và gia đình. Về phía anh Kh, suốt thời gian chị Th nuôi con, anh Kh đã không có sự quan tâm, nuôi dưỡng, chăm lo ở mức cần thiết đối với hai cháu K và K; anh Kh đã vi phạm nghĩa vụ và quyền của cha mẹ như quy định của điều luật đã viện dẫn ở trên. Mặc khác, chị Th yêu cầu được tiếp tục nuôi hai cháu K và K nên căn cứ vào Điều 81 của Luật hôn nhân và gia đình, giao cho chị Th được tiếp tục nuôi dưỡng Huỳnh Gia K (nam) sinh ngày 17/12/2013 và Huỳnh Thư K (nữ) sinh ngày 09/4/2015 đến đủ 18 tuổi; Buộc anh Kh cấp dưỡng nuôi con mỗi tháng là 1.000.000đ (một triệu đồng) cho mỗi người con đến khi hai cháu K và K đủ 18 tuổi.

Nguyên đơn tiếp tục khẳng định tài sản chung và nợ chung không có, không yêu cầu nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét.

[3] Về án phí sơ thẩm hôn nhân và gia đình sơ thẩm: Chị Th phải chịu là 300.000đồng, theo điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội Khóa XIV, khoản 4 Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Án phí cấp dưỡng: Anh Kh phải chịu là 300.000đồng, theo điểm đ khoản 6 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội Khóa XIV.

[4] Toàn bộ quan điểm, đề nghị của đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã Vĩnh Châu là có căn cứ pháp lý và cơ sở thực tiễn như đã nhận định ở trên, Hội đồng xét xử cần chấp nhận đề nghị của đại diện Viện kiểm sát đã nêu.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; khoản 1 và khoản 2 Điều 143, khoản 1 Điều 144, khoản 4 Điều 147, điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ vào khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 56, Điều 58, Điều 81, Điều 82, Điều 83, Điều 110, Điều 116 và Điều 117 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014;

Căn cứ vào điểm a khoản 5, điểm đ khoản 6 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội Khóa XIV.

Tuyên xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Chấp nhận cho chị Thạch Thị Th được ly hôn với anh Huỳnh Kh.

2. Về quyền nuôi con chung: Giao cho chị Th được tiếp tục nuôi dưỡng hai con chung là Huỳnh Gia K (nam) sinh ngày 17/12/2013 và Huỳnh Thư K (nữ) sinh ngày 09/4/2015 đến đủ 18 tuổi.

Trong thời gian chị Th nuôi dưỡng con chung, không ai được quyền ngăn cản sự thăm nom, chăm sóc, giáo dục của cha mẹ đối với con chung.

3. Về cấp dưỡng nuôi con: Buộc anh Huỳnh Kh cấp dưỡng nuôi hai cháu Huỳnh Gia K (nam) sinh ngày 17/12/2013 và Huỳnh Thư K (nữ) sinh ngày 09/4/2015 mỗi tháng là 1.000.000đ (một triệu đồng) cho mỗi cháu, cấp dưỡng cho đến khi hai cháu K và K đủ 18 tuổi, lao động được.

Vì quyền lợi về mọi mặt của hai cháu K và K, chị Th có thể yêu cầu Tòa án giải quyết thay đổi nghĩa vụ và mức cấp dưỡng cho con; anh Kh có thể yêu cầu giải quyết thay đổi người trực tiếp nuôi con, nghĩa vụ cấp dưỡng cho con. Các đương sự thực hiện quyền này theo quy định pháp luật.

3. Về tài sản chung và nợ chung: Nguyên đơn khẳng định tài sản chung và nợ chung không có, không yêu cầu nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét.

4. Án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm: Chị Thạch Thị Th phải chịu là 300.000đ (ba trăm nghìn đồng), được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000đ (ba trăm nghìn đồng) theo biên lai thu tiền số 0007987 ngày 27/6/2019 của Chi cục Thi hành án dân sự thị xã Vĩnh Châu, chị Th đã nộp đủ án phí dân sự sơ thẩm.

Án phí cấp dưỡng: Anh Huỳnh Kh phải chịu là 300.000đ (ba trăm nghìn đồng).

Chị Thạch Thị Th có quyền kháng cáo đối với bản án sơ thẩm trong hạn 15 ngày, kể từ ngày Tòa tuyên án; anh Huỳnh Kh có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc ngày bản án được niêm yết hợp lệ, để yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh Sóc Trăng xét xử lại theo thủ tục phúc thẩm.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật thi hành án dân sự; Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 của Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật thi hành án dân sự năm 2014.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

VÕ THỊ HIẾU

Nơi nhận:
- VKSND thị xã Vĩnh Châu;
- Chi cục THADS thị xã Vĩnh Châu;
- Phòng KTNV&THA TAND tỉnh ST;
- UBND phường V, thị xã Vĩnh Châu;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ.